

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST

Ngày 15 – 01 - 2018

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Ông Phạm Hoàng Phúc.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đăng Duy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà: Bà Phùng Bích Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên toà số: 133/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị Bích D.

Địa chỉ: khu vực 1, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- Bị đơn: Cao Quốc L.

Địa chỉ: khu vực 1, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/9/2017 và quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn chị Trần Thị Bích D trình bày: Chị và anh Cao Quốc L chung sống với nhau từ năm 2005, tới năm 2006 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Xuân, huyện Châu Thành A. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, tới năm 2014 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: do quan điểm sống của vợ chồng không hoà hợp, anh L thường xuyên đi nhậu, không quan tâm đến vợ con, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2017 cho đến nay. Nay xét tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu ly hôn với anh Cao Quốc L.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Cao Trần Quốc B (giới tính: nam), sinh ngày 24/9/2007 và Cao Trần Quốc T (giới tính: nam), sinh ngày 13/7/2015. Hiện 02 cháu đang sống chung với chị.

Tài sản: Tự thoả thuận. Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Cao Quốc L tại bản tự khai lập ngày 08/9/2017 khai: Anh và chị Trần Thị Bích D chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Xuân, huyện Châu Thành A. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không hạnh phúc. Nay vợ anh yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Con chung: vợ chồng anh có hai đứa con chung tên Cao Trần Quốc B sinh ngày 24/9/2007 và Cao Trần Quốc T, sinh ngày 13/7/2015. Hiện 02 cháu đang sống chung với vợ. Sau ly hôn anh thống nhất giao con cho vợ nuôi. Anh không cấp dưỡng.

Tài sản: tự thoả thuận. Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: không có. Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên toà chị Trần Thị Bích D trình bày giữ như lời khai và yêu cầu trước đây. Anh Cao Quốc L vắng mặt nên không phát biểu yêu cầu.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà:

- Về tố tụng. Việc thu thập chứng cứ từ khi thụ lý vụ án của Thẩm phán, mở và điều khiển phiên toà của Hội đồng xét xử tại phiên toà là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng (nguyên đơn) chấp hành đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà không lý do là không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bích D. Cho chị được ly hôn với anh Cao Quốc L. Giao cho chị D được nuôi 02 con chung, chưa buộc anh L cấp dưỡng do chị D không yêu cầu. Buộc chị D chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là “tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Bị đơn trong vụ án là anh Cao Quốc L hiện tại có nơi cư trú tại khu vực 1, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Theo quy

định tại các điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh.

[3]. Về xét xử vắng mặt. Anh Cao Quốc L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt.

[4]. *Về hôn nhân*: Chị Trần Thị Bích D và anh Cao Quốc L chung sống với nhau từ năm 2005, đến năm 2006 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạnh Xuân, nên hôn nhân của anh chị được công nhận hợp pháp từ năm 2006. Chị D khởi kiện xin ly hôn, anh L đồng ý. *Toà xét thấy*: Hôn nhân của anh chị dù được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nhưng quá trình chung sống không hạnh phúc. Khi có mâu thuẫn anh chị không tự giải quyết được, dẫn đến ly thân nhau. Thời gian ly thân anh chị cũng không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Tại phiên toà chị D khai không còn tình cảm với anh L và cương quyết xin ly hôn, anh L trước đó tại bản tự khai cũng đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng của anh chị đối với nhau không còn, cuộc sống chung nếu tiếp tục kéo dài sẽ không đảm bảo hạnh phúc. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Toà chấp nhận yêu cầu của khởi kiện chị D, cho chị và anh L được ly hôn.

[5]. *Về con chung*: Anh chị có hai đứa con chung tên Cao Trần Quốc B (giới tính nam), sinh ngày 24/9/2007 và Cao Trần Quốc T (giới tính: nam), sinh ngày 13/7/2015. Anh chị thỏa thuận giao cho chị D nuôi. Xét yêu cầu của anh chị là tự nguyện và phù hợp pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Toà công nhận thỏa thuận giao cho chị D được trực tiếp nuôi 02 cháu B, T.

[6]. Về cấp dưỡng: theo khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Tuy nhiên do chị D chưa yêu cầu, xét yêu cầu này của chị D là tự nguyện, nên Toà chấp nhận chưa buộc anh L cấp dưỡng trong cùng vụ án này.

[7]. *Về tài sản, nợ chung*: Anh chị khai không yêu cầu, nên Tòa không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[8]. *Về án phí*: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc chị D có trách nhiệm chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo mức không có giá ngạch.

[9]. Về phát biểu đề nghị của kiểm sát viên tại phiên toà. Xét, phát biểu về thủ tục tố tụng, đề nghị về nội dung của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ. Toà chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 35, 39, 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Bích D được ly hôn với anh Cao Quốc L.
- Về con chung: giao 02 cháu Cao Trần Quốc B (giới tính: nam), sinh ngày 24/9/2007 và Cao Trần Quốc T (giới tính: nam), sinh ngày 13/7/2015 cho chị Trần Thị Bích D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Cao Quốc L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị D chưa yêu cầu. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.
- Về tài sản, nợ chung: chưa xem xét giải quyết trong cùng vụ án. Do chưa có yêu cầu.
- Về án phí: Buộc chị Trần Thị Bích D chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu số 0012455 ngày 10/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí. Chị D không phải nộp thêm.
- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Liêm; Phạm Hoàng Phúc

Võ Thái Sơn